

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2019/DS-ST

Ngày: 29-10-2019

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Khuyến

Ông Nguyễn Sỹ Luận

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Giáp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-DS ngày 19/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-DS ngày 04/10/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng P

Địa chỉ trụ sở: Số 41-45 L, phường B, quận N, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện ủy quyền: Ông Lê Đình Vũ L – Giám đốc Trung tâm xử lý nợ.

Ông Lê Đình Vũ L ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Lê Thương T, sinh năm 1989 – Nhân viên phòng thu hồi nợ - Trung tâm xử lý nợ. (Theo Văn bản ủy quyền số 76/2019/UQ-OCB ngày 25/3/2019). Địa chỉ liên hệ: Lầu 2, số 41 L, phường B, quận N, Tp. Hồ Chí Minh. (có mặt)

*** Bị đơn:** - Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988; Trú tại: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

- Ông Trần Công L, sinh năm 1987; trú tại: 74/3 L, tổ 8, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Lê Thương T trình bày:*

Ngày 20/01/2017, Ngân hàng P (gọi tắt Ngân hàng) với bà Nguyễn Thị Th, ông Trần Công L thỏa thuận và ký kết hợp đồng tín dụng với nội dung cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 0037/2017/HĐTD-CN; Người vay vốn: bà Nguyễn Thị Th, ông Trần Công L; Số tiền vay: 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng); Lãi suất vay trong hạn: 7,99%/năm cố định trong 12 tháng đầu; từ tháng 13 trở đi lãi suất vay thả nổi điều chỉnh lãi suất định kỳ 06 tháng/lần, cộng biên độ tối thiểu 04%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Thời hạn vay là 84 tháng, phương thức thanh toán góp cả gốc và lãi hàng tháng (84 kỳ) cho đến khi thanh toán hết nợ; Mục đích vay vốn: Vay mua xe ô tô.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà Nguyễn Thị Th, ông Trần Công L đã thế chấp tài sản là xe ô tô KIA CERATO biển kiểm soát 82A-036.20 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Kon Tum cấp cho ông Trần Công L ngày 19/01/2017. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0037/2017/BĐ ngày 20/01/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0037.01/2017/SĐBS-HĐBĐ ngày 02/3/2017 giữa Ngân hàng N với ông Trần Công L, bà Nguyễn Thị Th.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, mới chỉ thanh toán được số tiền nợ gốc 53.500.000đ; lãi trong hạn 31.053.332đ; lãi quá hạn 250.194đ. Tổng cộng là 84.803.526đ trong 10 kỳ từ ngày 20/01/2017 đến ngày 25/11/2017. Nhưng sau đó bà Th, ông L không thực hiện việc thanh toán tiền vay theo thỏa thuận, cụ thể tính đến ngày 29/10/2019, bà Th, ông L nợ số tiền gốc 396.500.000đ; lãi trong hạn 75.399.595đ; lãi quá hạn 36.094.734đ. Tổng cộng 507.994.329đ. Do bà Th, ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận, do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Th, ông L thanh toán số nợ nêu trên. Ngoài ra, bà Th, ông L còn phải trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày 30/10/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi vay.

Đối với tài sản là xe ô tô KIA CERATO biển kiểm soát 82A-036.20 mà bà Th, ông L thế chấp cha Ngân hàng để bảo đảm cho khoản nợ vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0037/2017/BĐ ngày 20/01/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0037.01/2017/SĐBS-HĐBĐ ngày 02/3/2017, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Th, ông Trần Công L trình bày:* Trong quá trình giải quyết vụ án bà Th, ông L vắng mặt không có lý do chính đáng nên không có ý kiến trình bày trong vụ án.

- *Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bà Th, ông L thanh toán tiền nợ vay và lãi phát sinh tính đến ngày 29/10/2019 tổng cộng*

là 507.994.329đ.

- *Kiểm sát viên trình bày quan điểm tại phiên tòa: (Có bản phát biểu riêng)*

+ *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục và tuân thủ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng P, buộc bị đơn bà Th, ông L thanh toán nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét thấy, đây là vụ kiện dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” do Ngân hàng P thực hiện quyền khởi kiện; người bị kiện có nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú, cụ thể bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988; trú tại: thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước; ông Trần Công L, sinh năm 1987; trú tại: số 74/3 L, tổ 8, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Căn cứ địa chỉ ghi trong hồ sơ tín dụng ngày 20/01/2017 giữa Ngân hàng với bà Th, ông L; căn cứ kết quả xác minh tại Công an xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước và Công an phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum thì bà Th, ông L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, nhưng hiện bà Th, ông L không có mặt tại địa phương và không biết địa chỉ thay đổi của những người này vì khi đi không thông báo cho chính quyền địa phương biết. Như vậy, hiện nay bà Th, ông L đã thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc mà không thông báo cho Ngân hàng cũng như chính quyền địa phương biết về nơi cư trú, nơi làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, Điều 277 BLDS 2015. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TANDTC thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn bà Th là thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước và ông L là số 74/3 L, tổ 8, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn có quyền lựa chọn nơi cư trú của một trong các bị đơn để yêu cầu giải quyết. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn bà Nguyễn Thị Th, ông Trần Công L đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bà Th, ông L.

Bị đơn không nộp văn bản nêu ý kiến của kinh đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số 0037/2017/HĐTD-CN ngày 20/01/2017 đã được Ngân hàng và bà Th, ông L ký kết bằng văn bản trên tinh thần tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự đúng quy định tại các Điều 116, 117, 119 và 120 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo quy định pháp luật.

Theo nội dung Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ thể hiện bà Th, ông L vay Ngân hàng số tiền 450.000.000đ; Lãi suất vay trong hạn: 7,99%/năm cố định trong 12 tháng đầu; từ tháng 13 trở đi lãi suất vay thả nổi điều chỉnh lãi suất định kỳ 06 tháng/lần, cộng biên độ tối thiểu 04%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay là 84 tháng, phương thức thanh toán góp cả gốc và lãi hàng tháng (84 kỳ) cho đến khi thanh toán hết nợ. Mục đích vay vốn: Vay mua xe ô tô.

Để đảm bảo cho khoản vay, bà Th, ông L đã chấp tài sản là xe ô tô KIA CERATO biển kiểm soát 82A-036.20 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Kon Tum cấp cho ông Trần Công L ngày 19/01/2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Th, ông L mới chỉ thanh toán được số tiền nợ gốc 53.500.000đ; lãi trong hạn 31.053.332đ; lãi quá hạn 250.194đ. Tổng cộng là 84.803.526đ trong 10 kỳ từ ngày 20/01/2017 đến ngày 25/11/2017. Nhưng sau đó bà Th, ông L không thực hiện việc thanh toán tiền vay theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký. Ngân hàng cũng đã nhiều lần thông báo cho bà Th, ông L nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Th, ông L thanh toán nợ gốc vay và lãi phát sinh là có căn cứ, được chấp nhận. Cụ thể, số nợ tính đến ngày 29/10/2019 mà bà Th, ông L có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng bao gồm: Nợ gốc 396.500.000đ; lãi trong hạn 75.399.595đ; lãi quá hạn 36.094.734đ. Tổng cộng 507.994.329đ.

Ngoài ra, bà Th, ông L còn phải trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ

ngày 30/10/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Đối với tài sản thế chấp là xe ô tô KIA CERATO biển kiểm soát 82A-036.20 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Kon Tum cấp cho ông Trần Công L ngày 19/01/2017. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0037/2017/BĐ ngày 20/01/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0037.01/2017/SĐBS-HĐBĐ ngày 02/3/2017 giữa Ngân hàng với ông L, bà Th. Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về chi phí tố tụng và án phí:

- Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: 2.250.000đ (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) Ngân hàng P phải chịu, đã nộp xong.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Th, ông L phải chịu 24.319.700đ. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 157, 158, 164, 165, 180; Điều 227, 235, 266; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 116; 117; 119; 120, 282 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 04/2017/NQQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TANDTC;

- Các Điều 13, 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng P.

Buộc bà Nguyễn Thị Th, ông Trần Công L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng P số tiền gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 29/10/2019 là **507.994.329đ** (*Bằng chữ: Năm trăm lẻ bảy triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi chín đồng*), trong đó nợ gốc 396.500.000đ; nợ lãi trong hạn 75.399.595đ; nợ lãi quá hạn 36.094.734đ.

Bà Nguyễn Thị Th, ông Trần Công L còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa trả kể từ ngày 30/10/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0037/2017/HĐTD-CN ngày 20/01/2017.

2. Chi phí tố tụng:

- Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: 2.250.000đ (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) Ngân hàng P phải chịu, đã nộp xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th, ông Trần Công L phải chịu 24.319.700đ (*Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu ba trăm mười chín nghìn bảy trăm đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng P số tiền tạm ứng án phí 11.298.000đ (*Bằng chữ: Mười một triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 027004, quyển số 0541 ngày 12/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Tấn Trường